TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 8 - 2023
V/v: "Thay đổi nuôi con sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà:*** Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc "Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Doãn Đình D, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Sơn Châu Đông, xã Giao Hà, huyện GT, tỉnh NĐ;

- *Bị đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: Xóm Sơn Châu Đông, xã Giao Hà, huyện GT, tỉnh NĐ;

Hiện đang tạm trú tại: Số 37/56, Bùi Bằng Đoàn, phường Lộc Hạ, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

(Tại phiên tòa có mặt anh Doãn Đình D, vắng mặt chị Bùi Thị H có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Doãn Đình D trình bày:

Anh Doãn Đình D và chị Bùi Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, hai anh chị có 01 con chung là cháu Doãn Thành Doanh sinh ngày 11-5-2016. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên vợ chồng đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Ngày 12-9-2022 Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã ra Quyết định số 81/2022/QĐCNTTLH về việc công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung

giữa anh D và chị H. Anh D và chị H đã tự thoả thuận chị H trực tiếp nuôi con chung là cháu Doãn Thành Doanh cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Doãn Đình D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Sau khi ly hôn, anh D đi xuất khẩu lao động và làm việc tại Nhật Bản, chị H một mình ở nhà lao động, làm việc nuôi con ăn học, tuy nhiên điều kiện công việc không ổn đinh, cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn, bản thân chị H chưa có nhà ở ổn định, đang ở nhà thuê tại thành phố NĐ, anh phải thường xuyên gửi tiền phụ chị H nuôi con hàng tháng, sửa sang nhà trọ cho chị H và con. Nay chị H đã kết hôn với người đàn ông khác điều đó ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý và sự ổn định, phát triển của cháu Doãn Thành Doanh. Sau khi suy nghĩ về tương lai, điều kiện học tập, điều kiện sống để cháu Doanh được phát triển và bảo đảm sự ổn định học tập cho cháu, anh đề nghị Toà án nhân dân tỉnh NĐ giao con chung là cháu Doãn Thành Doanh cho anh trực tiếp nuôi D, chăm sóc vì hiện nay anh có công việc ổn định, thu nhập bảo đảm cuộc sống cho cháu phát triển, học tập. Hiện nay anh đang lao động tại Nhật Bản, khi hết hạn hợp đồng anh sẽ về nước để trực tiếp nuôi D, chăm sóc cháu Doanh, do vậy trong thời gian anh chưa về nước anh ủy quyền cho người thân là bố mẹ đẻ anh nuôi D cháu, ông bà cũng là người gần gũi và phụ anh chăm sóc cháu từ nhỏ đến khi anh và chị H ly hôn. Về cấp D nuôi con chung anh không yêu cầu chị H phải cấp D nuôi con chung.

Tại bản tự khai bổ sung ngày 31-7-2023 của Doãn Đình D trình bày: Sau khi ly hôn chị H anh đi xuất khẩu lao động và làm việc tại Nhật Bản nên đồng ý việc giao con là cháu Doãn Thành Doanh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi D. Nhưng khi anh nghỉ phép về thăm con chị H đều ngăn cản và dùng nhiều lời lẽ khó nghe. Chị H cũng không cho anh liên lạc với giáo viên của cháu Doanh để tìm hiểu việc học hành của cháu. Khi gặp cô giáo anh mới biết, cháu Doanh thường được mẹ đưa đi học muộn do ngủ quên, thường xuyên vắng mặt các buổi học phụ đạo. Khi chị H đi làm và cháu Doanh không đi học thì chị H để cháu ở nhà một mình mà không có người trông nom trong khi cháu mới 07 tuổi. Quyết định của Tòa án về việc ly hôn và nuôi con không quyết định anh phải cấp D nuôi con, nhưng thấy hoàn cảnh của chị H và con khó khăn nên anh thường xuyên gửi tiền nuôi con hàng tháng, có những lúc anh chậm gửi tiền chị H liên tục gọi giục và có những lời lẽ rất khó nghe; anh nhớ cụ thể một số lần gửi tiền về cho chị H do có chứng từ chuyển khoản như sau: Ngày 31-10-2022 anh đã gửi cho chị H 10.000.000 đồng, ngày 11-12-2022 anh đã gửi cho chị H 7.000.000 đồng, dịp Tết Nguyên đán 2022 anh mua đồ đạc và đưa tiền mặt cho chị H khoảng 20.000.000 đồng.

Đến tháng 4 năm 2023 khi chị H sống chung với người khác và mang thai thì anh không gửi tiền về nữa và quyết định làm thủ tục khởi kiện yêu cầu thay đổi quyền nuôi con do chị H đã kết hôn với người đàn ông khác và mang thai; Bản thân anh cũng hết hạn hợp đồng đã trở về Việt nam và có điều kiện chăm sóc, nuôi D con chung tốt hơn.

Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Nhật bản và sử dụng thành thạo ngoại ngữ, nên khi về Việt Nam anh đã ứng tuyển và được tuyển dụng và làm việc với vị trí chuyên viên phát triển dự án tại Công ty Cổ phần Vinsofts - là một doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực gia công phần mềm và các giải pháp thương mại điện tử, số hóa doanh nghiệp và công nghệ 4.0. Công việc đó đảm bảo cho anh có thu nhập cao và ổn định khi trở về Việt Nam. Ngoài ra, anh cũng đã tìm hiểu và đặt cọc để mua căn hộ tại quận Hoàng Mai, Hà Nội để ổn định chỗ ở khi trở về Việt Nam.

Tại biên bản hoà giải ngày 01-8-2023 anh D trình bày: Sau khi ly hôn con chung ở với chị H đến khoảng đầu tháng 6 năm 2023 thì cháu sang bên nội ở với bố mẹ anh. Về yêu cầu khởi kiện thay đổi quyền nuôi con anh vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện và các bản tự khai đã nộp cho Toà án. Hiện nay anh đã về nước vào ngày 30-7-2023 nên đã đủ điều kiện để chăm sóc con chung vì vậy anh đề nghị Toà án giao con chung cháu Doãn Thành Doanh cho anh trực tiếp nuôi D, về cấp D nuôi con anh không yêu cầu chị H cấp D. Sau khi ly hôn anh có chuyển tiền cho chị H 3 lần để nuôi con như trong bản sao kê tài khoản anh đã nộp cho Toà án.

* Tại bản tự khai bị đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Doãn Đình D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Hà, huyện Giao Thủy năm 2016. Sau khi kết hôn được khoảng 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và có người mới dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Đến tháng 9 năm 2022 chị và anh D đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh NĐ.

Trong quá trình chung sống chị và anh D có 1 con chung là cháu Doãn Thành Doanh sinh ngày 11-5-2016. Sau khi ly hôn con chung đang ở với chị. Anh D không chu cấp tiền nuôi con hay bất kỳ khoản gì khác từ lúc ly hôn. Hiện nay chị là nhân viên khách sạn Nam Cường tại thành phố NĐ. Mức lương hàng tháng thu nhập của chị là 10 triệu đồng/ tháng, có hợp đồng lao động, bảng lương. Chị hiện đã đăng ký kết hôn với người khác và thuê trọ tại 37/56 Bùi Bằng Đoàn, thành phố NĐ. Mỗi tháng tiền thuê nhà hết 1.100.000 đồng. Chị đang ở với chồng mới là anh Lã Văn Thưởng, sinh năm 1991 cùng tại địa chỉ trên. Chị đang mang thai con chung với anh Thưởng được 5 tháng. Nay anh D có yêu cầu thay đổi quyền nuôi con thì chị không đồng ý. Vì chị vẫn đảm bảo được cho cháu Doanh cuộc sống ổn định và học tập của con. Mặt khác anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản vì thế không đủ điều kiện chăm sóc cháu Doanh tốt nhất. Chị đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D.

Tại biên bản hoà giải ngày 01-8-2023 chị H trình bày: Sau khi ly hôn năm 2022, con chung Doãn Thành Doanh do chị trực tiếp nuôi D, chăm sóc, đến ngày 28-5-2023 con chung đã sang bên nhà ông bà nội và ở nhà ông bà nội từ đó cho đến nay, chị đã sang đón cháu Doanh 3 lần nhưng đều bị ông bà nội ngăn cấm. Về yêu cầu khởi kiện của anh D thì chị không đồng ý vì cháu đang có chỗ ở và nơi

học tập ổn định, còn anh D đang đi xuất khẩu lao động nên không có điều kiện chăm sóc con chung tốt nhất. Sau khi ly hôn anh D có chuyển tiền cho chị 3 lần như trong bản sao kê của ngân hàng anh D nộp cho Toà án, chị đã dùng số tiền đó để tiết kiệm cho cháu, những tài liệu hôm nay anh D nộp cho Toà án chưa đủ cơ sở để chứng minh anh D đã kết thúc hợp đồng lao động và về nước.

Tại phiên toà hôm nay anh Doãn Đình D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị Bùi Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải, tống đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 99, 170, 171, 175, 177, 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên tòa. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Doãn Đình D xin thay đổi nuôi con chung, giao cháu Doãn Thành Doanh sinh ngày 11-5-2016 cho anh D chăm sóc nuôi D, chị H không phải đóng góp tiền cấp D nuôi con chung cho anh D theo quy định của pháp luật mà được quyền đi lại thăm nom con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bùi Thị H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2] Anh Doãn Đình D kết hôn với chị Bùi Thị H năm 2016 và sinh một con chung cháu Doãn Thành Doanh, sinh ngày 11-5-2016. Như vậy cháu Doanh là con chung của anh D và chị H.

[3] Xét yêu cầu xin thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn của anh Doãn Đình D thì thấy: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12-9-2022 Chị H nhận nuôi con chung Doãn Thành Doanh, sinh ngày 11-5-2016, anh D không phải cấp D nuôi con chung cho chị H nhưng được quyền đi lại, thăm nom con nhưng khi anh D đi nước ngoài về nghỉ phép đến thăm con thì chị H đều ngăn cản và dùng nhiều lời lẽ khó nghe, chị H không cho anh liên lạc với giáo viên của cháu Doanh để tìm hiểu việc học hành của cháu. Khi anh gặp cô giáo của cháu Doanh anh mới biết, cháu Doanh thường được chị H đưa đi học muộn do ngủ quên, thường xuyên vắng mặt ở các buổi học phụ đạo. Khi chị H đi làm, cháu Doanh không đi học thì chị H để

cháu ở nhà một mình mà không có người trông nom trong khi cháu Doanh mới 07 tuổi. Hiện nay chị H đã đăng ký kết hôn với anh Lã Văn Thưởng và đang thuê nhà trọ tại 37/56 Bùi Bằng Đoàn, thành phố NĐ chưa có nơi cư trú ổn định. Chị H đang mang thai con chung với anh Thưởng được khoảng 8 tháng sắp sinh, hiện nay chị đã nghỉ việc tại khách sạn Nam Cường ở thành phố NĐ để chờ sinh con. Xét thấy, chị H hiện nay sức khoẻ yếu, có thai gần đến ngày sinh con, điều kiện, hoàn cảnh lại khó khăn hơn anh D, đang phải nghỉ việc chờ sinh con, cháu Doanh hiện nay đang học lớp hai nên cháu rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ của bố hoặc mẹ để cháu có điều kiện học tập sinh hoạt tốt nhất, hình thành nhân cách. Ngoài ra chị H đã có hành vi cản trở anh D thực hiện quyền, nghĩa vụ đến trông nom, chăm sóc, nuôi D, giáo dục cháu Doanh như gây khó khăn và chửi bới anh, tạo cho cháu những suy nghĩ, hiểu lầm về anh D là vi phạm vào quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hiện nay anh D đã kết thúc hợp đồng lao động tại Nhật Bản, anh đã về nước từ ngày 31 tháng 7 năm 2023 cho đến nay, bản thân anh đã giao nộp cho Toà án bản chấm dứt hợp đồng lao động giữa anh D và UNIWORKS CO., LTD từ ngày 30 tháng 6 năm 2023, một bản hợp đồng đặt cọc mua căn hộ 19.04B, tháp B, chung cư Đồng Phát Park View Tower phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội với chị Phạm Mai Hương và anh đã ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần VINSOFTS ở địa chỉ BT2-11 khu ĐTM Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với mức lương 18.000.000đ thì anh có thể đáp ứng đầy đủ quyền lợi về mọi mặt cho con tốt nhất nên anh có đủ điều kiện chăm sóc trực tiếp cho cháu Doanh, cháu Doãn Thành Doanh đã về ở với bố mẹ anh D từ ngày 28-5-2023 cho đến nay, cháu Doanh hiện nay lại có nguyện vọng xin được ở anh D. Xét thấy, nguyện vọng của anh muốn được gần gũi chăm sóc cháu Doanh, để cháu được phát triển trong vòng tay yêu thương của người bố, anh hứa sẽ dành hết tình cảm cho con. Trong khi đó bản thân chị H nhận nuôi con nhưng đã không làm tròn trách nhiệm, xét về mọi mặt chị H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc con. Vì vậy, cần giao cháu Doãn Thành Doanh cho anh D nuôi D là phù hợp với Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp D tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh Doãn Đình D không đề nghị chị H phải cấp D tiền nuôi con. Xét đề nghị của anh D là hoàn toàn tự nguyện. Do đó trách nhiệm cấp D nuôi cháu Doanh không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Doãn Đình D nhận nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử chấp nhận đơn khởi kiện xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Doãn Đình D đối với chị Bùi Thị H.

2. Buộc chị Bùi Thị H phải giao cháu Doãn Thành Doanh, sinh ngày 11-5-2016 cho anh Doãn Đình D trông nom, chăm sóc, nuôi D, giáo dục. Chị Bùi Thị H không phải cấp D tiền nuôi con cho anh D mà có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi D con.

3. Án phí: Anh Doãn Đình D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006848 ngày 24-4-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh NĐ. Anh Doãn Đình D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh NĐ: 01 bản;
- Cục THADS tỉnh NĐ: 01 bản;
- UBND xã Giao Hà: 01 bản;
- Cấp cho đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ + VP: 03 bản.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Văn Tùng